BIỂU II.1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 1230 /QĐ-UBND ngày 05 /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Số lượng dự án năm 2025	Kế hoạch năm 2025			Điều chỉnh		Số lượng dự án năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Vốn đầu tư công		Kế hoạch vốn			Tổng số	Vốn đầu tư công		
				Tổng cộng	Trong đó Chưa phân bổ chi tiết	Giảm	Tăng, bổ sung			Tổng cộng	Trong đó Phân bổ chi tiết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	**131**	**6.736.686**	**6.736.686**	**27.239**	**-**	**56.164**	**131**	**6.792.850**	**6.792.850**	**27.239**	
	Trong đó:											
1	**Vốn ngân sách địa phương**	**106**	**2.427.465**	**2.427.465**	**27.239**	**-**	**56.164**	**106**	**2.483.629**	**2.483.629**	**27.239**	
	Trong đó:											
1.1	**Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí**	**73**	**852.000**	**852.000**	**-**	**-**	**-**	**73**	**852.000**	**852.000**	**-**	
1.2	**Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất**	**15**	**1.370.800**	**1.370.800**	**-**	**-**	**-**	**15**	**1.370.800**	**1.370.800**	**-**	
1.3	**Đầu tư từ thu xổ số kiến thiết**	**3**	**16.000**	**16.000**	**-**	**-**	**-**	**3**	**16.000**	**16.000**	**-**	
1.4	**Vốn tăng thu, tiết kiệm chi hỗ trợ cho đầu tư**	**15**	**188.665**	**188.665**	**27.239**	**-**	**56.164**	**15**	**244.829**	**244.829**	**27.239**	
a	Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu phí kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu năm 2024	4	100.000	100.000	-			4	100.000	100.000		
b	Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu khấu hao tài sản nước sạch năm 2024	1	28.239	28.239	27.239	-	-	1	28.239	28.239	27.239	Chi tiết tại biểu II.2
c	Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu năm 2024 (tăng thu cân đối ngân sách địa phương, tăng thu phí kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu, tăng thu xổ số kiến thiết)	10	60.426	60.426				10	60.426	60.426		
d	Vốn đầu tư từ nguồn tiết kiệm chi năm 2024						56.164	-	56.164	56.164		Chi tiết tại biểu II.3
-	Phân bổ cho các dự án						44.664	-	44.664	44.664		
	- Dự án hoàn thành trước 31/12/2024						*2.261*	-	*2.261*	*2.261*		
	- Dự án chuyển tiếp						*35.149*	-	*35.149*	*35.149*		
	- Dự án khởi công mới năm 2025						*7.254*	-	*7.254*	*7.254*		
-	Chuẩn bị đầu tư						500		500	500		
-	Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác						11.000	-	11.000	11.000		
2	**Vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương**	**25**	**4.309.221**	**4.309.221**	**-**	**-**	**-**	**25**	**4.309.221**	**4.309.221**	**-**	
2.1	**Vốn trong nước**	**24**	**4.080.418**	**4.080.418**	**-**	**-**	**-**	**24**	**4.080.418**	**4.080.418**	**-**	
a	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	17	3.316.430	3.316.430	-	-	-	17	3.316.430	3.316.430	-	
b	Nguồn vốn từ kế hoạch trung hạn tương ứng với nguồn tăng thu NSTW năm 2022	1	500.000	500.000			-	1	500.000	500.000		

STT	Nguồn vốn	Số lượng dự án năm 2025	Kế hoạch năm 2025			Điều chỉnh		Số lượng dự án năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Vốn đầu tư công		Kế hoạch vốn			Tổng số	Vốn đầu tư công		
				Tổng cộng	Trong đó Chưa phân bổ chi tiết	Giảm	Tăng, bổ sung			Tổng cộng	Trong đó Phân bổ chi tiết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
c	Vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia	7	763.988	763.988	-	-	-	7	763.988	763.988	-	
2.2	**Vốn nước ngoài**	**1**	**228.803**	**228.803**	**-**	**-**	**-**	**1**	**228.803**	**228.803**	**-**	

BIỂU II.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 TỪ NGUỒN TĂNG THU TỪ KHAI THÁC TÀI SẢN NƯỚC SẠCH NĂM 2024 BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1230 /QĐ-UBND ngày 05 /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Đã bố trí các năm 2021-2024		Kế hoạch đầu tư năm 2025				Trong đó		Ghi chú	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương			Đã phân bổ chi tiết (chuẩn bị đầu tư)	Phân bổ chi tiết kỳ này		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ xây dựng cơ bản				Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ xây dựng cơ bản				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
C	**VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN TĂNG THU KHAI THÁC TÀI SẢN NƯỚC SẠCH NĂM 2024**		**1**			**28.239**	**28.239**	**28.239**	**28.239**	**-**	**-**	**-**	**-**	**28.239**	**28.239**	**-**	**-**	**1.000**	**27.239**		
I	**Dự án khởi công mới**		**1**			**28.239**	**28.239**	**28.239**	**28.239**	**-**	**-**	**-**	**-**	**28.239**	**28.239**	**-**	**-**	**1.000**	**27.239**		
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình	Lộc Bình		2024-2025	639/QĐ-UBND ngày 13/3/2025; 835/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	28.239	28.239	28.239	28.239			-		28.239	28.239			1.000	27.239	Đã phê duyệt dự án	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

BIỂU II.3

NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NĂM 2024 BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1230 /QĐ-UBND ngày 05 /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Số vốn còn thiếu so với kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh kỳ này)		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Bổ sung từ nguồn tiết kiệm chi năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương/Chủ đầu tư
								Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư											
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi		
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	**VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NĂM 2024**			**10**					**876.735**	**403.686**	**70.056**	**737.258**	**34.745**	**39.363**	**-**	**56.164**	**95.527**	**56.164**		
A.1	**Bố trí cho danh mục dự án sử dụng nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 chưa được giao đủ kế hoạch năm**			**8**					**803.045**	**342.686**	**70.056**	**728.758**	**26.245**	**39.363**	**-**	**47.664**	**87.027**	**47.664**		
I	**Quốc phòng an ninh**		tỉnh Lạng Sơn	**1**					**35.240**	**35.240**	**4.366**	**35.240**	**4.366**	**1.034**	**-**	**4.366**	**5.400**	**4.366**		
(1)	**Dự án chuyển tiếp**		tỉnh Lạng Sơn	**1**					**35.240**	**35.240**	**4.366**	**35.240**	**4.366**	**1.034**	**-**	**4.366**	**5.400**	**4.366**		
1	Trục đường đối ngoại và hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thuộc dự án Trụ sở làm việc Công an tỉnh	thành phố Lạng Sơn					2021-2025	Số 1147/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; số 2806/QĐ-UBND ngày 03/5/2024; 2203/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	35.240	35.240	4.366	35.240	4.366	1.034		4.366	5.400	4.366	Hụt thu sử dụng đất năm 2024, đã có khối lượng	UBND thành phố Lạng Sơn
II	**Văn hóa, du lịch**			**1**					**9.996**	**9.996**	**2.836**	**9.996**	**2.836**	**3.200**	**-**	**2.836**	**6.036**	**2.836**		
(1)	**Dự án chuyển tiếp**			**1**					**9.996**	**9.996**	**2.836**	**9.996**	**2.836**	**3.200**	**-**	**2.836**	**6.036**	**2.836**		
1	Tôn tạo Di tích Đội cứu quốc quan bắc sơn; hạng mục nhà đón tiếp, nhà ban quản lý, bãi đỗ xe.	Bắc Sơn	tỉnh Lạng Sơn	Xây mới nhà đón tiếp, BQL, bảo vệ, hạng mục phụ			2023-2025	2358/QĐ-UBND ngày 04/12/2021; 764/UBND-KTCN ngày 26/4/2025	9.996	9.996	2.836	9.996	2.836	3.200		2.836	6.036	2.836	Hụt thu sử dụng đất năm 2024, đã có khối lượng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
IV	**Giao thông**			**3**					**404.346**	**63.987**	**50.810**	**364.887**	**9.053**	**9.100**	**-**	**28.418**	**37.518**	**28.418**		
(1)	**Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024**			**1**					**38.908**	**37.161**	**2.261**	**37.661**	**3.665**	**9.100**	**-**	**2.261**	**11.361**	**2.261**		
1	Đường GTNT Khuổi Vai, xã Đề Thám - Pàn Dào, Kéo Vèng, xã Kim Đồng, huyện Tràng Định	Tràng Định	tỉnh Lạng Sơn				2021-2024	1689/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; 1466/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	38.908	37.161	2.261	37.661	3.665	9.100		2.261	11.361	2.261	Dự án rà soát dự kiến tăng TMĐT, trước mắt bố trí hết TMĐT còn lại theo phê duyệt hiện nay	UBND huyện Tràng Định
(2)	**Dự án chuyển tiếp**			**2**					**365.438**	**26.826**	**48.549**	**327.226**	**5.388**	**-**	**-**	**26.157**	**26.157**	**26.157**		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Số vốn còn thiếu so với kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh kỳ này)		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Bổ sung từ nguồn tiết kiệm chi năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương/Chủ đầu tư
								Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương										
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Đường dẫn vào khu tái định cư đường Lý Thái Tổ (kéo dài)	thành phố Lạng Sơn					2018-2025	2534/ QĐ-UBND ngày 12/12/2018; 2792/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 566/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 1873/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; 1066/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	26.526	26.526	16.377	21.226	5.388			5.388	5.388	5.388	Hụt thu sử dụng đất năm 2024, đã có khối lượng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18	Đình Lập	tỉnh Lạng Sơn				2023-2026	44/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2086/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	338.912	300	32.172	306.000	-			20.769	20.769	20.769	Dự án trọng điểm, tuy nhiên đã sử dụng nguồn 2025 thanh toán khối lượng hoàn thành, nhu cầu bổ sung thanh toán các tháng cuối năm 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (chủ đầu tư trước sắp xếp: Ban Quản lý xây dựng và bảo trì HTGT)
VII	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước**			**2**					**80.463**	**80.463**	**9.044**	**45.635**	**9.990**	**24.692**	**-**	**9.044**	**33.736**	**9.044**		
(1)	**Dự án chuyển tiếp**			**1**					**36.576**	**36.576**	**1.790**	**35.281**	**6.629**	**21.692**	**-**	**1.790**	**23.482**	**1.790**		
1	Trụ sở Đội phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Đồng Đăng	Cao Lộc	tỉnh Lạng Sơn				2023-2025	430/QĐ-UBND ngày 25/3/2016, 1372/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	36.576	36.576	1.790	35.281	6.629	21.692		1.790	23.482	1.790	Hụt thu sử dụng đất năm 2024	Công an tỉnh Lạng Sơn
(3)	**Dự án khởi công mới 2025**			**1**					**43.887**	**43.887**	**7.254**	**10.354**	**3.361**	**3.000**	**-**	**7.254**	**10.254**	**7.254**		
1	Mở rộng trụ sở làm việc phòng CS PCCC&CNCH tỉnh Lạng Sơn	thành phố Lạng Sơn	tỉnh Lạng Sơn				2025-2027	27/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	43.887	43.887	7.254	10.354	3.361	3.000		7.254	10.254	7.254	Đang thực hiện, nhu cầu bổ sung thanh toán khối lượng	Công an tỉnh Lạng Sơn
VII	**Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác**			**1**					**273.000**	**153.000**	**3.000**	**273.000**	**-**	**1.337**	**-**	**3.000**	**4.337**	**3.000**		
1	Đối ứng các Chương trình MTQG	toàn tỉnh	tỉnh Lạng Sơn						273.000	153.000	3.000	273.000	-	1.337		3.000	4.337	3.000	Đối ứng còn thiếu của các huyện	
-	*Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới*										3.000	263.295	-			3.000	3.000	3.000		
	Đình Lập										3.000	-	-			*3.000*	*3.000*	*3.000*		
A.2	**Bổ sung vào kế hoạch đầu tư công**			**2**					**73.690**	**61.000**	**-**	**8.500**	**8.500**	**-**	**-**	**8.500**	**8.500**	**8.500**		
I	**Chuẩn bị đầu tư**			**1**					**35.000**	**35.000**	**-**	**500**	**500**	**-**	**-**	**500**	**500**	**500**		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Năng lực thiết kế	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Số vốn còn thiếu so với kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh kỳ này)		Kế hoạch đầu tư công năm 2025		Bổ sung từ nguồn tiết kiệm chi năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương/Chủ đầu tư
								Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương										
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Công viên bờ sông Kỳ Cùng (đoạn từ khách sạn Đông Kinh đến đền Kỳ Cùng) và bãi đỗ xe công cộng	thành phố Lạng Sơn	tỉnh Lạng Sơn				2025-2026	2387-KL/TU ngày 25/4/2025	35.000	35.000		500	500			500	500	500	Bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư, tên cũ: Đầu tư xây dựng công viên tại khu đất Chợ Bờ sông tại phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
I	**Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác**			**1**					**38.690**	**26.000**	**-**	**8.000**	**8.000**	**-**	**-**	**8.000**	**8.000**	**8.000**		
1	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thuộc Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn		tỉnh Lạng Sơn					42/NQ-HĐND ngày 23/7/2024	38.690	26.000		8.000	8.000			8.000	8.000	8.000	Năm 2025 cấp bổ sung 8 tỷ đồng từ nguồn TKC bổ sung trung hạn	Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thuộc Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn